

Số: 16/2018/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2018

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 48/2013/TT-BNNPTNT NGÀY 12/11/2013 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VỀ KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN AN TOÀN THỰC PHẨM THỦY SẢN XUẤT KHẨU, THÔNG TƯ SỐ 02/2017/TT-BNNPTNT NGÀY 13/02/2017 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU TẠI THÔNG TƯ SỐ 48/2013/TT-BNNPTNT

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu, Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm tra , chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu

1. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 2 như sau:

“a) Cơ sở có xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu lô hàng được cấp chứng thư bởi Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.”

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 2 như sau:

“a) Cơ sở chỉ tiêu thụ nội địa; cơ sở xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ không yêu cầu lô hàng được Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản cấp chứng thư.”

3. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Cơ quan thẩm định

Cơ quan thẩm định, cấp Giấy chứng nhận ATTP và cơ quan thẩm định, cấp Chứng thư: Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (sau đây gọi là Cơ quan thẩm định.”

4. Sửa đổi tên Điều 6 như sau:

“Điều 6. Yêu cầu đối với kiểm tra viên, trưởng đoàn thẩm định”

5. Sửa đổi tên Chương II như sau:

“Chương II: THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM”

6. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Điều 10: Hồ sơ đăng ký và báo cáo thay đổi thông tin

1. Đối với thẩm định cấp Giấy chứng nhận ATTP, bổ sung Danh sách xuất khẩu, hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Giấy đăng ký thẩm định điều kiện ATTP theo mẫu tại Phụ lục IIIA ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo hiện trạng (cơ sở vật chất, trang thiết bị, hệ thống bảo đảm ATTP) của Cơ sở theo mẫu tại biểu 1 Phụ lục IVA ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với cơ sở có kết quả thẩm định cấp Giấy chứng nhận ATTP, bổ sung vào Danh sách xuất khẩu không đạt, hồ sơ đăng ký: Báo cáo kết quả khắc phục các sai lỗi theo mẫu tại Phụ lục VA ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với các trường hợp thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư này, cơ sở gửi báo cáo thay đổi thông tin theo mẫu tại Biểu 2 Phụ lục IVA ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cơ sở gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký cho Cơ quan thẩm định bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp, gửi theo đường bưu điện; fax, thư điện tử hoặc đăng ký trực tuyến.”

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Cơ sở bị thu hồi Giấy chứng nhận ATTP trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm.”

8. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 19 như sau:

“c) Cơ sở có đề nghị thay đổi thông tin về tên cơ sở, địa chỉ trong Giấy chứng nhận ATTP.”

9. Sửa đổi khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Chương trình bao gồm các hoạt động thẩm định, cấp Chứng thư cho thực phẩm thủy sản xuất khẩu vào các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Cơ quan thẩm quyền có yêu cầu Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu theo Danh mục quốc gia, vùng lãnh thổ nêu tại Phụ lục VIIA kèm theo Thông tư này.”

10. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 20 như sau:

“a) Đáp ứng các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của Việt Nam”

11. Sửa đổi Điều 21 như sau:

“Điều 21. Danh sách xuất khẩu

1. Theo quy định của quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu hoặc thỏa thuận với Cơ quan thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu, Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản lập và cập nhật Danh sách xuất khẩu theo từng thị trường đối với các Cơ sở đáp ứng đầy đủ các tiêu chí nêu tại khoản 3 Điều 20 Thông tư này.

2. Cơ sở bị đưa ra khỏi Danh sách xuất khẩu trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở có văn bản đề nghị rút tên khỏi Danh sách xuất khẩu;

b) Cơ sở quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư này”.

12. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 26 như sau:

“b) Cơ sở có kết quả thẩm định điều kiện ATTP xếp hạng 4”.

13. Sửa đổi khoản 2 Điều 26 như sau:

“2. Cơ sở nêu tại khoản 1 Điều này tiếp tục được cấp Chứng thư khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Cơ sở đã thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định và được Cơ quan thẩm định thẩm tra và xác nhận hiệu quả của các biện pháp khắc phục đã thực hiện;

b) Đối với cơ sở nêu tại điểm b khoản 1 Điều này phải có kết quả thẩm định ATTP đạt yêu cầu;

c) Ngoài ra, Cơ sở nêu tại điểm a khoản 1 Điều này phải được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và thủy sản thông báo và được Cơ quan thẩm quyền quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu dỡ bỏ tạm dừng nhập khẩu”.

14. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 28 như sau:

“b) Chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký đến Cơ quan thẩm định bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp; gửi theo đường bưu điện; Fax, thư điện tử (sau đó gửi bản chính) hoặc đăng ký trực tuyến theo cơ chế Một cửa quốc gia”.

15. Sửa đổi khoản 3 Điều 29 như sau:

“3. Chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thẩm định đến Cơ quan thẩm định bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp, gửi theo đường bưu điện; hoặc fax, thư điện tử (sau đó gửi bản chính) hoặc đăng ký trực tuyến theo cơ chế Một cửa quốc gia.”

16. Sửa đổi khoản 1 Điều 30 như sau:

“1. Cơ quan thẩm định cử kiểm tra viên thực hiện thẩm định, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Chủ hàng đề nghị hoặc theo thời gian đã được thống nhất giữa Chủ hàng và Cơ quan thẩm định.”

17. Sửa đổi khoản 3 Điều 31 như sau:

“3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo giải trình của Cơ sở, Cơ quan thẩm định thẩm tra các nội dung báo cáo và có văn bản thông báo kết quả thẩm tra tới Cơ sở. Trường hợp cần thẩm tra thực tế, Cơ quan thẩm định thực hiện và thông báo kết quả tới Cơ sở trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Cơ sở.”

18. Sửa đổi khoản 1 Điều 33 như sau:

“1. Khi Chứng thư bị thất lạc, hư hỏng, Chủ hàng có văn bản đề nghị cấp lại Chứng thư trong đó nêu rõ lý do gửi Cơ quan thẩm định bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp, gửi theo đường bưu điện; hoặc fax, thư điện tử.”

19. Sửa đổi khoản 2 Điều 36 như sau:

“2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân và biện pháp khắc phục của Cơ sở, Cơ quan thẩm định thẩm tra các nội dung báo cáo và có văn bản thông báo kết quả thẩm tra tới Cơ sở. Trường hợp cần thẩm tra thực tế, Cơ quan thẩm định thực hiện và thông báo kết quả tới Cơ sở trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Cơ sở.”

19. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 37 như sau:

“a) Đăng ký với Cơ quan thẩm định theo quy định tại Thông tư này để được thẩm định ATTP; chấp hành việc thẩm định theo kế hoạch của Cơ quan thẩm định;”

20. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 39 như sau:

“a) Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, nội dung, phương pháp, căn cứ thẩm định, chứng nhận điều kiện bảo đảm ATTP đối với Cơ sở; thẩm định, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng theo quy định tại Thông tư này;”

21. Sửa đổi Điều 40 như sau:

“Điều 40. Trưởng đoàn thẩm định

1. Khi thực hiện nhiệm vụ được giao, trưởng đoàn thẩm định có các trách nhiệm như một kiểm tra viên nêu tại khoản 1 Điều 39 Thông tư này và các trách nhiệm khác như sau:

a) Điều hành, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong đoàn thẩm định để thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định thành lập đoàn thẩm định;

b) Xử lý các ý kiến, kết quả thẩm định của các thành viên trong đoàn thẩm định và đưa ra kết luận cuối cùng tại biên bản thẩm định;

c) Rà soát, ký biên bản thẩm định, báo cáo kết quả thẩm định, chịu trách nhiệm trước thủ trưởng Cơ quan thẩm định và trước pháp luật về kết quả đã được đoàn thẩm định thực hiện.”

2. Trong phạm vi nhiệm vụ được giao, trưởng đoàn thẩm định có các quyền hạn như một kiểm tra viên nêu tại khoản 2 Điều 39 Thông tư này và các quyền hạn khác như sau:

a) Đề xuất với thủ trưởng Cơ quan thẩm định ban hành quyết định điều chỉnh thành viên đoàn thẩm định để thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định thành lập đoàn thẩm định;

b) Đưa ra kết luận cuối cùng của đoàn thẩm định về kết quả thẩm định.”

22. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 41 như sau:

“b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng kiểm tra viên về thẩm xét hồ sơ, thẩm định Cơ sở, cấp Giấy chứng nhận ATTP; thẩm định, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu;”

23. Sửa đổi một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “kiểm tra” bằng cụm từ “thẩm định” tại các điểm, khoản, điều sau: điểm b khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 2; khoản 3 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 6; tên Chương III; điểm b khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 23; tên Điều 29; khoản 1 Điều 29; tên Điều 30 và khoản 2 Điều 30; tên Điều 31 và khoản 1 Điều 31; khoản 1, khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 35; Điều 38; điểm a, c, d, đ, e khoản 1, khoản 2 Điều 41; Phụ lục XIII, XV, XVI, XVII; biểu mẫu 5b-1, 5b-2, 5b-3, 5b-4, 5b-5, 5b-6, 5b-7, 5b-8 ban hành kèm theo Phụ lục V.

b) Bãi bỏ cụm từ “kiểm tra” tại Điều 4; tên Điều 6; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6; tên Điều 7; Điều 13; Điều 14; Điều 15; điểm b, c, đ, e, g khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1, điểm b, d, đ khoản 2 Điều 39; Phụ lục V.

c) Thay thế cụm từ “cơ quan kiểm tra, chứng nhận” bằng cụm từ “cơ quan thẩm định” tại các điểm, khoản, điều sau: khoản 1 Điều 13; điểm e khoản 1 Điều 15; khoản 6 Điều 22; khoản 1, khoản 2 Điều 23; điểm c khoản 3 Điều 24; Điều 26; khoản 2, khoản 3 Điều 27; khoản 2 Điều 28; khoản 5 Điều 29; khoản 1 Điều 30; khoản 1, khoản 2 Điều 31; Điều 32; khoản 2 Điều 33, Điều 34; Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm đ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 37; Điều 38; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 39; điểm c khoản 2 Điều 41; Điều 42; điểm c khoản 1 Điều 43; Phụ lục VIII, XI, XII, XIII, XV, XVI, XVII.

d) Bãi bỏ cụm từ “lệ phí” tại điểm g khoản 1 Điều 37.

đ) Bãi bỏ cụm từ “kiểm tra sau khi cấp Giấy chứng nhận ATTP” tại điểm a, c khoản 1 Điều 41.

e) Thay thế cụm từ “hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định và đánh giá phân loại” bằng cụm từ “hướng dẫn thẩm định điều kiện ATTP” tại Phụ lục V, biểu mẫu 5b-1, 5b-2, 5b-3, 5b-4, 5b-5, 5b-6, 5b-7, 5b-8 ban hành kèm theo Phụ lục V.

24. Thay thế Phụ lục I bằng Phụ lục IIIA ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục II bằng Phụ lục IVA ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục III bằng Phụ lục VA ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục VI bằng Phụ lục VIA ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục IX Phụ lục VIIA ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Sửa đổi Điều 1 như sau:

1. Hồ sơ, thủ tục thẩm định điều kiện ATTP để đưa cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản (sau đây gọi là Cơ sở) vào Danh sách xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu lô hàng được cấp giấy chứng nhận thực phẩm thủy sản xuất khẩu bởi Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (sau đây gọi là Danh sách xuất khẩu); cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Giấy chứng nhận ATTP) theo quy định tại Luật ATTP.

2. Hồ sơ, thủ tục thẩm định, cấp giấy chứng nhận thực phẩm thủy sản xuất khẩu (sau đây viết tắt là Chứng thư) theo yêu cầu của quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Sửa đổi Điều 9 như sau:

Điều 9: Phí

Việc thu phí thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP đối với Cơ sở, phí thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP, phí thẩm định cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.”

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Sửa đổi Điều 11 như sau:

Điều 11. Xử lý hồ sơ

1. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cơ sở, Cơ quan thẩm định phải thẩm tra tính hợp lệ của hồ sơ, hướng dẫn Cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

2. Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, Cơ quan thẩm định thông báo cho Cơ sở thời điểm dự kiến tiến hành thẩm định tại Cơ sở nhưng không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.”

4. Sửa đổi khoản 4 Điều 1 như sau:

“4. Sửa đổi Điều 12 như sau:

Điều 12. Các hình thức thẩm định

1. Thẩm định cấp Giấy chứng nhận ATTP, bổ sung Danh sách xuất khẩu:

a) Thẩm định cấp Giấy chứng nhận ATTP: áp dụng đối với cơ sở không thuộc khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm chưa có Giấy chứng nhận ATTP; bị thu hồi Giấy chứng nhận ATTP; có Giấy chứng nhận ATTP nhưng còn hiệu lực ít hơn 06 tháng; thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận ATTP trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Thông tư này.

b) Thẩm định bổ sung Danh sách xuất khẩu: áp dụng đối với cơ sở không thuộc điểm a khoản 1 Điều này và chưa có tên trong Danh sách xuất khẩu.

2. Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP: áp dụng đối với cơ sở đã có tên trong Danh sách xuất khẩu trong các trường hợp:

a) Cơ sở bổ sung thị trường xuất khẩu; sửa chữa, nâng cấp điều kiện bảo đảm ATTP: thẩm định sau khi cơ sở gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

b) Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: thẩm định không báo trước với tần suất: Cơ sở hạng 1, hạng 2: 01 lần trong 18 tháng; cơ sở hạng 3: 01 lần trong 12 tháng.”

5. Sửa đổi khoản 6 Điều 1 như sau:

“6. Sửa đổi Điều 17 như sau:

Điều 17. Xử lý kết quả thẩm định

Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định, Cơ quan thẩm định thẩm tra Biên bản thẩm định và thực hiện như sau:

1. Trường hợp thẩm định cấp Giấy chứng nhận ATTP, bổ sung Danh sách xuất khẩu:

a) Đối với Cơ sở có kết quả đạt (hạng 1, hạng 2 và hạng 3): thông báo kết quả; cấp mã số theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; bổ sung vào Danh sách xuất khẩu, tổng hợp để đề nghị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu bổ sung vào Danh sách cơ sở được phép xuất khẩu sang thị trường tương ứng; cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu quy định tại Phụ lục VIA ban hành kèm theo Thông tư này đối với cơ sở không thuộc diện miễn cấp quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

b) Đối với Cơ sở có kết quả không đạt (hạng 4): thông báo kết quả, yêu cầu Cơ sở thực hiện và gửi Báo cáo kết quả khắc phục sai lỗi; thu hồi Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực (nếu có).

2. Trường hợp thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP:

a) Đối với Cơ sở có kết quả đạt (hạng 1, hạng 2 và hạng 3): thông báo kết quả; tổng hợp để đề nghị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cập nhật thông tin;

b) Đối với cơ sở có kết quả không đạt (hạng 4): thông báo kết quả, yêu cầu Cơ sở thực hiện và báo cáo kết quả khắc phục các sai lỗi, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực (nếu có). Tùy theo mức độ sai lỗi của Cơ sở, Cơ quan thẩm định quyết định thời hạn khắc phục nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thẩm định để tổ chức thẩm định đánh giá định kỳ lần tiếp theo.

Trường hợp kết quả thẩm định lần tiếp theo không đạt (hạng 4): thông báo kết quả; đưa cơ sở ra khỏi Danh sách xuất khẩu, đồng thời đề nghị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu xóa tên cơ sở trong Danh sách được phép xuất khẩu sang thị trường tương ứng.

3. Trường hợp có lấy mẫu kiểm nghiệm để đánh giá hiệu quả kiểm soát điều kiện vệ sinh trong quá trình sản xuất:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm nghiệm không đáp ứng quy định, Cơ quan thẩm định gửi thông báo yêu cầu Cơ sở thực hiện khắc phục. Tùy theo mức độ sai lỗi của Cơ sở, Cơ quan thẩm định quyết định thời hạn khắc phục và tổ chức lấy mẫu kiểm nghiệm đánh giá lại.

b) Trường hợp kết quả kiểm nghiệm mẫu đánh giá lại không đáp ứng quy định, Cơ quan thẩm định quyết định thanh tra đột xuất điều kiện bảo đảm ATTP của Cơ sở.”

6. Sửa đổi khoản 7 Điều 1 như sau:

“7. Sửa đổi khoản 2 Điều 22 như sau:

2. Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản lập danh sách ưu tiên đối với các Cơ sở đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây tính đến thời điểm xem xét:

a) Cơ sở có tên trong Danh sách xuất khẩu;

b) Cơ sở có lô hàng xuất khẩu và không có lô hàng nào bị Cơ quan thẩm quyền của Việt Nam và thị trường nhập khẩu phát hiện vi phạm về ATTP trong thời gian tối thiểu 03 tháng kể từ ngày Cơ sở được phân loại điều kiện bảo đảm ATTP là hạng 1, hạng 2.”

7. Sửa đổi khoản 10 Điều 1 như sau:

“10. Sửa đổi Điều 32 như sau:

Điều 32. Thẩm định, cấp chứng

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi lô hàng được xuất khẩu, Chủ hàng phải cung cấp bằng văn bản đầy đủ các thông tin cần thiết quy định trong mẫu Chứng thư theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu cho Cơ quan thẩm định để cấp Chứng thư. Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ thông tin, Cơ quan thẩm định tiến hành thẩm định cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu theo mẫu của quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu tương ứng nếu kết quả thẩm định, kiểm nghiệm lô hàng đạt yêu cầu.

2. Sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày kiểm tra, nếu Chủ hàng không cung cấp đầy đủ thông tin cho Cơ quan thẩm định để thẩm định, cấp Chứng thư, Chủ hàng phải thực hiện đăng ký thẩm định như quy định tại Điều 29 Thông tư này.”

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 12 năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hà Công Tuấn

Phụ lục IIIA. MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi:.....

(Cơ quan thẩm định)

Căn cứ các quy định trong Thông tư Quy định về chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị chúng tôi:

Tên Cơ sở⁽¹⁾:

Tên giao dịch thương mại tiếng Anh, tên viết tắt *(nếu có)*:

Mã số của Cơ sở *(nếu có)*:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo ATTP *(nếu có)*:

Địa chỉ:

Tên cơ sở (phân xưởng)⁽²⁾ đề nghị thẩm định:

Địa chỉ:

Sau khi nghiên cứu kỹ các Quy định trong Quy chuẩn..... và đối chiếu với điều kiện thực tế của Cơ sở, đề nghị cơ quan thẩm định tiến hành thẩm định và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được:

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP: ☐

- Đưa vào Danh sách xuất khẩu sang thị trường:.....

Chúng tôi xin gửi kèm sau đây hồ sơ đăng ký thẩm định gồm:

1.
2.
3.
4.
5.

GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Tên Cơ sở/doanh nghiệp được ghi trong giấy phép kinh doanh.

² Ghi rõ tên Xí nghiệp hoặc Phân xưởng thuộc Cơ sở đăng ký thẩm định.

Phụ lục IVA. MẪU BÁO CÁO HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Biểu 1. BÁO CÁO HIỆN TRẠNG

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở (phân xưởng) đề nghị thẩm định:
2. Mã số của Cơ sở (nếu có):
3. Năm bắt đầu hoạt động:
4. Nhóm sản phẩm sản xuất:

II. Tóm tắt hiện trạng điều kiện bảo đảm ATTP

1. Nhà xưởng

- 1.1. Tổng diện tích các khu vực sản xuất: m^2 , trong đó:
 - 1.1.1. Khu vực tiếp nhận nguyên liệu: m^2 .
 - 1.1.2. Khu vực sơ chế, chế biến: m^2 .
 - 1.1.3. Khu vực cấp đông: m^2 .
 - 1.1.4. Khu vực kho lạnh: m^2 .

2. Hệ thống phụ trợ:

2.1. Nguồn nước sử dụng cho khu vực sản xuất:

- 2.1.1. Nguồn nước đang sử dụng:

Nước công cộng ☐ Nước giếng khoan ☐ , số lượng: , độ sâu m.

- 2.1.2. Phương pháp bảo đảm chất lượng nước cung cấp cho khu vực sản xuất (kể cả khu sản xuất nước đá)

- Hệ thống lắng lọc: Có ☐ Không ☐ Phương pháp khác ☐

- Hệ thống bể chứa: Tổng dung tích dự trữ: m^3 .

- Hệ thống xử lý nước: Chlorine định lượng ☐. Đèn cực tím ☐. Khác ☐.....

- Tự sản xuất: ☐

- Mua ngoài ☐

2.2.1. Nước thải: Mô tả tóm tắt hệ thống thoát, xử lý nước thải.

2.2.2. Chất thải rắn: Mô tả tóm tắt bảo quản, vận chuyển, xử lý...

- Số lượng:

2.4.1. Tổng số công nhân sản xuất: người, trong đó:

- Công nhân dài hạn: người.

- Công nhân mùa vụ: _____ người.

2.4.2. Kiểm soát sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

- Thời điểm kiểm tra sức khỏe....

- Số lượng người được kiểm tra: người.

- Tên cơ quan thực hiện kiểm tra.....

2.4.3. Xác nhận kiến thức về ATTP:

- Thời điểm xác nhận:

- Số người được xác nhận: _____ người

- Tên đơn vị tổ chức xác nhận:

2.5. Hệ thống ngăn chặn và tiêu diệt côn trùng, động vật gây hại

2.5.1. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt côn trùng:

2.5.2. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt động vật gây hại

2.6. Danh mục hóa chất, phụ gia, chất tẩy rửa - khử trùng sử dụng tại Cơ sở:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

3. Hệ thống quản lý chất lượng:

3.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng tại Cơ sở:

HACCP: ☐ GMP: ☐ Khác: ☐

Trường hợp khác, cần ghi cụ thể, ví dụ: ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương. Đồng thời, cung cấp thông tin về thời điểm hiệu lực của Giấy chứng nhận và đơn vị chứng nhận.

3.2. Tổng số cán bộ quản lý chất lượng (QC):..... người, trong đó:

Số cán bộ QC đã qua đào tạo về HACCP hoặc các chương trình quản lý chất lượng khác:..... người

3.3. Phòng kiểm nghiệm:

☐ Của Cơ sở: Các chỉ tiêu có thể phân tích:.....

.....

☐ Thuê ngoài

4. Bảng tổng hợp kế hoạch HACCP cho nhóm sản phẩm tương tự: (Bảng biểu đính kèm)

GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2. BÁO CÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN

1. Hiện trạng sản xuất có thay đổi:

TT	Hạng mục	Mô tả nội dung có thay đổi so với hiện trạng	Ghi chú
1	Nhà xưởng	[Mô tả chi tiết từng hạng mục như nội dung yêu cầu tại Biểu 1 về báo cáo hiện trạng sản xuất; lý do có sự thay đổi]	
2	Hệ thống phụ trợ:		
-	Nguồn nước sử dụng cho khu vực sản xuất		
-	Nguồn nước đá		
-	Hệ thống xử lý chất thải		
-	Nhà vệ sinh (dùng cho khu vực sản xuất)		
-	Công nhân		
-	Hệ thống ngăn chặn và tiêu diệt côn trùng, động vật gây hại		
-	Hóa chất, phụ gia, chất tẩy rửa - khử trùng		
3	Hệ thống quản lý chất lượng:		

2. Bổ sung thị trường xuất khẩu:.....

GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VA. MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC SAI LỖI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Kính gửi:.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC SAI LỖI

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:
2. Mã số của Cơ sở (nếu có):
3. Địa chỉ Cơ sở:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục sai lỗi

TT	Sai lỗi theo kết luận thẩm định.....ngày..... của.....	Biện pháp khắc phục	Thời điểm khắc phục	Kết quả

Đề nghị Cơ quan thẩm định tiến hành thẩm định và làm thủ tục để Cơ sở chúng tôi được:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP: ☐
- Đưa vào Danh sách xuất khẩu sang thị trường:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục VIA. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

(tên Cơ quan cấp giấy)

Cơ sở/Establishment:

Mã số/Approval number:

Địa chỉ/Address:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.

2.

3.

Số cấp/Number: /XXXX/QLCL-CNĐK

Giấy chứng nhận có hiệu lực 03 (ba) năm kể từ ngày ký/*This certificate is valid for 03 (three) years from date of issue*

(*) và thay thế Giấy chứng nhận số:..... cấp ngày...../*and replaces the certificate N°..... issued on.... (day/month/year)*

....., ngày tháng năm.../..., day... month... year
(Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu)

XXXX: 4 chữ số của năm cấp giấy

(*): Ghi trong trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận

Phụ lục VIIA. DANH SÁCH CÁC QUỐC GIA, VÙNG LÃNH THỔ CÓ YÊU CẦU CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THẨM ĐỊNH, CHỨNG NHẬN AN TOÀN THỰC PHẨM THỦY SẢN XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Quốc gia, vùng lãnh thổ	Sản phẩm	Tóm tắt nội dung yêu cầu	Căn cứ pháp lý
1	EU	Tất cả các sản phẩm thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm có nguồn gốc động vật muốn xuất khẩu vào Liên minh EU phải có xuất xứ từ quốc gia, vùng lãnh thổ được kiểm soát bằng hệ thống mà Cơ quan thẩm quyền EU đánh giá tương đương về: hệ thống văn bản pháp lý, năng lực của cơ quan thẩm quyền, điều kiện bảo đảm ATTP của các cơ sở chế biến xuất khẩu và các chương trình giám sát quốc gia về an toàn thực phẩm. - Các cơ sở chế biến xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU phải có tên trong danh sách được cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu công nhận và Cơ quan thẩm quyền EU chấp thuận. - Lô hàng thủy sản xuất khẩu sang EU phải kèm theo Chứng thư do Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu cấp. 	<p>Quyết định EC/178/2002 về việc đưa ra các quy định chung về luật ATTP, thành lập CQTQ về ATTP của EU</p> <p>Quyết định của EC số 882/2004 quy định về kiểm soát nhà nước; số 852/2004, 853/2004, 854/2004,; thiết lập điều kiện ATTP đối với thực phẩm và thực phẩm có nguồn gốc từ động vật, quy định về CQTQ quản lý Nhà nước về thực phẩm và việc nhập khẩu thực phẩm từ nước thứ 3.</p> <p>Quyết định 2074/2005 về mẫu chứng thư cho các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc từ động vật xuất khẩu vào EU</p>
2	Na Uy	Tất cả các sản phẩm	- Sử dụng các quy định của EU đối với thực	Hiệp định về Khu vực Kinh tế

		thủy sản	<p>phẩm nhập khẩu.</p> <p>- Các cơ sở có tên trong danh sách được phép xuất khẩu vào EU sẽ được phép xuất khẩu vào Na Uy.</p> <p>- Chấp thuận mẫu chứng thư của EU cho lô hàng thực phẩm nhập khẩu từ các nước bên ngoài EU.</p>	Châu Âu (EEA)
3	Thụy Sĩ	Tất cả các sản phẩm thủy sản	<p>- Sử dụng các quy định của EU đối với thực phẩm nhập khẩu.</p> <p>- Các cơ sở có tên trong danh sách được phép xuất khẩu vào EU sẽ được phép xuất khẩu vào Thụy Sĩ.</p> <p>- Chấp thuận mẫu chứng thư của EU cho lô hàng thực phẩm nhập khẩu từ các nước bên ngoài EU.</p>	<p>Hiệp định song phương về nông nghiệp giữa EU và Thụy Sĩ.</p> <p>Hướng dẫn của Văn phòng Thú y Liên bang Thụy Sĩ (FVO) ngày 27/01/2009 đối với việc nhập khẩu thực phẩm có nguồn gốc từ động vật từ các nước bên ngoài EU</p>
4	Serbia	Tất cả các sản phẩm thủy sản	Thị trường yêu cầu có chứng thư của Cơ quan thẩm quyền Việt Nam	Công thư 337-00-567/2008-05 ngày 02/12/2008 của Cục Thú y - Bộ Nông Lâm nghiệp và Quản lý nước - Cộng hòa Serbia
5	Hàn Quốc	Tất cả các sản phẩm thủy sản	<p>- Các cơ sở chế biến xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc phải có tên trong danh sách do Cơ quan thẩm quyền Hàn Quốc chấp thuận.</p> <p>- Lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Hàn Quốc phải kèm theo Chứng thư do NAFIQAD cấp.</p>	Thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực kiểm soát an toàn thực phẩm và kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản giữa Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Việt Nam và Cục Quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản quốc gia Hàn Quốc ký ngày 09/12/2016
6	Trung Quốc	Tất cả các	- Các cơ sở chế biến	Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ

		sản phẩm thủy sản	<p>xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc phải có tên trong danh sách do Cơ quan thẩm quyền Trung Quốc chấp thuận.</p> <p>- Lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Trung Quốc phải kèm theo Chứng thư do Cơ quan thẩm quyền Việt Nam cấp.</p>	<p>Nông nghiệp và PTNT Việt Nam và Tổng cục Giám sát chất lượng, kiểm dịch, kiểm nghiệm và kiểm dịch Trung Quốc về kiểm soát an toàn thực phẩm đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu ký ngày 17/01/2014</p>
7	Liên minh Kinh tế Á - Âu	Tất cả các sản phẩm thủy sản	<p>- Các cơ sở chế biến xuất khẩu thủy sản sang thị trường Liên minh Hải quan phải có tên trong danh sách được phép xuất khẩu</p> <p>- Lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Liên minh Hải quan phải kèm theo Chứng thư do CQTQ Việt Nam cấp.</p>	<p>- Bản ghi nhớ giữa Cơ quan kiểm dịch động thực vật Liên bang Nga và Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đảm bảo an toàn thủy sản XNK giữa Liên bang Nga và Việt Nam năm 2011.</p> <p>- Hiệp định khung về Liên minh Kinh tế Á - Âu có hiệu lực từ 01/7/2010.</p> <p>- Quyết định số 317 ngày 18/6/2010 của Liên minh KT Á - Âu về các biện pháp vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.</p> <p>- Quyết định số 342 ngày 17/8/2010 của Liên minh KT Á - Âu.</p>
8	French Polynesia	Tất cả các sản phẩm thủy sản	Thị trường yêu cầu có chứng thư của Cơ quan thẩm quyền Việt Nam	<p>- Pháp lệnh 651/CM ngày 07/5/1998 quy định các yêu cầu về vệ sinh thú y và vệ sinh đối với sản phẩm nhập có nguồn gốc từ động vật nhập khẩu vào French Polynesia</p> <p>- Công thư số 043/SDR/QAAV/MAE ngày</p>

				04/01/2008 của Cục Phát triển nông thôn - Bộ Nông nghiệp, Chăn nuôi và Lâm nghiệp French Polynesia
9	Đài Loan	<p>- Thủy sản sống (giáp xác và nhuyễn thể sống, cá sống, phiêu cá và trứng cá đã thụ tinh), đồ hộp</p> <p>- Sản phẩm động vật có vỏ có mã HS 0307 (bao gồm các sản phẩm nhuyễn thể hai mảnh vỏ, nhuyễn thể chân bụng).</p>	Thị trường yêu cầu lô hàng có chứng thư của Cơ quan thẩm quyền Việt Nam	<p>- Công thư 09600504390 NC/KT ngày 11/5/2007 của Văn phòng kinh tế, văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội yêu cầu danh sách cơ sở sản xuất của sống, mẫu giấy chứng nhận và con dấu của Cơ quan thẩm quyền VN.</p> <p>- Công thư 09600505820 NC/KT ngày 19/6/2007 yêu cầu mỗi lần xuất khẩu của sống vào Đài Loan phải gửi kèm giấy chứng nhận của phía Việt Nam.</p> <p>- Công thư số 0110125 HT/KT ngày 21/01/2011 của Văn phòng kinh tế, văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội yêu cầu NAFIQAD cung cấp thông tin về cơ quan, mẫu chứng thư và mẫu dấu.</p> <p>- Thông báo số 0991303927 ngày 21/3/2011 của Bộ Y tế Đài Loan về yêu cầu đối với sản phẩm đồ hộp.</p> <p>- Công thư số 0110125 HT/KT ngày 01/6/2011 của Văn phòng kinh tế, văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội về kiểm dịch thủy sản sống.</p> <p>- Công thư số 160148/KT ngày 11/8/2016 của Văn phòng kinh tế, văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội về việc cấp chứng thư cho sản phẩm động vật có vỏ của Việt Nam xuất khẩu sang Đài Loan.</p>

10	Braxin	Tất cả các sản phẩm thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ sở chế biến xuất khẩu thủy sản sang thị trường Braxin phải có tên trong danh sách do Cơ quan thẩm quyền Braxin công nhận - Lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Braxin phải kèm theo Chứng thư do CQTQ Việt Nam cấp. 	Điều 486 Nghị định số 9.013 ngày 29/3/2017 quy định về nhập khẩu sản phẩm có nguồn gốc động vật.
11	New Zealand	Cá tra, basa fillet đông lạnh; NT2MV	Lô hàng Cá tra, basa fillet đông lạnh; NT2MV xuất khẩu sang New Zealand phải kèm theo Chứng thư do CQTQ Việt Nam cấp.	Văn bản ngày 20/3/2009 về thực hiện Điều 22 Luật An toàn sinh học 2003 của Cơ quan An ninh sinh học New Zealand; Thỏa thuận hợp tác ký ngày 22/01/2010 giữa Cơ quan An toàn thực phẩm New Zealand và NAFIQAD
12	Ucraina	Cá tra, basa đông lạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở chế biến xuất khẩu cá tra, basa sang thị trường Ucraina phải có tên trong danh sách do Cơ quan thẩm quyền Ucraina công nhận - Lô hàng cá tra, basa xuất khẩu sang Ucraina phải được CQTQ Việt Nam kiểm tra cấp chứng nhận (Chứng thư) 	<p>Sắc lệnh số 71 ngày 14.6.2004 của Cơ quan Thuộc Thú y: Yêu cầu kiểm tra thú ý đối với hàng hóa nhập khẩu vào Ucraina</p> <p>Công thư số 15-3-1-18/232 ngày 14/01/2011 của Ủy ban Nhà nước về Thuộc thú y Ucraina</p>
13	Papua new Guinea	Cá tra, basa đông lạnh	Lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Papua new Guinea phải được CQTQ Việt Nam kiểm tra cấp giấy chứng nhận (Chứng thư)	Công thư ngày 28/02/2011 của Cơ quan Thanh tra và Kiểm dịch nông nghiệp Papua New Guinea
14	Peru	Tất cả các sản phẩm thủy sản	Lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Peru phải được CQTQ Việt Nam kiểm tra cấp giấy chứng nhận (Chứng thư)	Quy định số 041-2010-ITP/SANIPES ngày 16/9/2010 của SANIPES về yêu cầu đối với sản phẩm thủy sản, thức ăn chăn nuôi và thức ăn nuôi trồng thủy sản nhập khẩu

15	Macedonia	Tất cả các sản phẩm thủy sản	Lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Macedonia phải được CQTQ Việt Nam kiểm tra cấp giấy chứng nhận (Chứng thư)	Luật Vệ sinh Thú y và Bảo vệ Sức khỏe cộng đồng (2007) của Macedonia
16	Indonesia	Tất cả các sản phẩm thủy sản	<p>- Các cơ sở được NAFIQAD kiểm tra công nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP của Việt Nam được phép xuất khẩu sang thị trường Indonesia.</p> <p>- Lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Indonesia phải kèm theo chứng thư do NAFIQAD cấp.</p>	Thỏa thuận về kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản giữa NAFIQAD và Cục Kiểm tra, Kiểm dịch Thủy sản Indonesia (FQIA) ký năm 2011
17	Argentina	Tất cả các sản phẩm thủy sản	<p>- Các cơ sở chế biến xuất khẩu thủy sản sang thị trường Argentina phải có tên trong danh sách do Cơ quan thẩm quyền Argentina (SENASA) chấp thuận.</p> <p>- Lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Argentina phải được CQTQ Việt Nam kiểm tra cấp giấy chứng nhận (Chứng thư)</p>	Quy định số 816/2002 ngày 04/10/2002 của SENASA về việc thanh tra tại nước xuất khẩu sản phẩm, phụ phẩm có nguồn gốc từ động, thực vật vào Cộng hòa Argentina
18	Úc	Tôm và sản phẩm tôm	Lô hàng tôm và sản phẩm tôm xuất khẩu sang Úc phải được CQTQ Việt Nam kiểm tra cấp chứng thư.	Thông báo An ninh sinh học số 2017-12 ngày 30/6/2017 của Cơ quan An ninh sinh học Úc về điều kiện nhập khẩu đối với tôm và sản phẩm tôm dùng làm thực phẩm.
19	Panama	Cá (cá da trơn, cá ngừ), nhuyễn thể	- Các cơ sở chế biến xuất khẩu cá da trơn sang Panama phải có tên trong danh sách do Cơ quan thẩm quyền Panama (AUPSA) chấp thuận	<p>- Quyết định số AUPSA-DINAN-018-2016 ngày 01/4/2016 quy định điều kiện an toàn thực phẩm đối với sản phẩm cá da trơn nhập khẩu vào Panama.</p> <p>- Quyết định số AUPSA-</p>

			<p>- Lô hàng cá (cá da trơn, cá ngừ) và nhuyễn thể xuất khẩu sang Panama phải được CQTQ Việt Nam kiểm tra, cấp chứng thư</p>	<p>DINAN 008-2018 ngày 13/4/2018 quy định điều kiện an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nhuyễn thể nhập khẩu vào Panama</p> <p>- Quyết định số AUPSA-DINAN 007-2014 ngày 13/01/2014 quy định điều kiện an toàn thực phẩm đối với sản phẩm cá ngừ nhập khẩu vào Panama.</p>
20	Montenegro	Tất cả các sản phẩm thủy sản	Lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Montenegro phải được CQTQ Việt Nam kiểm tra cấp giấy chứng nhận (Chứng thư)	Thông báo của Cục An toàn thực phẩm, Thú y và dịch tế học, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cộng hòa Monténégro yêu cầu các điều kiện bảo đảm ATTP và áp dụng các chỉ tiêu ATTP của Liên minh Châu Âu (EU) kể từ ngày 01/8/2016